

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 398/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Xuân Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Sơn

- Ông Huỳnh Vĩnh Lộc

Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-
Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (số G đường Tỉnh lộ 8, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1592/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh K, sinh ngày 05/12/1984, Căn cước số: 051184***** do Bộ C cấp ngày 04/12/2024; địa chỉ: Số D Đ, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh ngày 10/3/1995; Căn cước số: 083085***** do Bộ C cấp ngày 17/02/2025; địa chỉ: Số A ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: Số A, đường L, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh K trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Minh K và ông Lê Hoàng T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyền 01/2011 cấp ngày 02/12/2011, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh)

Minh) cấp.

Thời gian đầu vợ chồng thời gian đầu sống hoà thuận. Thời gian gần đây, cuộc sống hôn nhân bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng ý kiến của nhau, hai bên bất đồng quan điểm. Bà K cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn được như trước. Bà Kiểm nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho bà và ông T để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hoàng M, sinh ngày 29/10/2012. Bà K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Hoàng M, sinh ngày 29/10/2012. Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

*** Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Minh K trình bày:**

Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác trong cuộc sống khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn cứ kéo dài làm cho cả hai thấy mệt mỏi, căng thẳng. Nay bà K xác định không còn tình cảm với ông T, thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhân thêm được nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Lê Hoàng T trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Minh K và ông Nguyễn Hoàng T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyền 01/2011 cấp ngày 02/12/2011, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Ông T1 không đồng ý ly hôn ông T1 muốn con chung có đầy đủ cha mẹ để chăm lo cho tương lai của con.

*** Bị đơn ông Lê Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị Minh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng T. Tại thời điểm bà K khởi kiện thì ông Lê Hoàng T đang cư trú tại Số A đường L, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định

tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Hoàng T đến lần thứ hai, nhưng ông T vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà K xác định không còn tình cảm với ông T, cương quyết yêu cầu ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với ý kiến của ông trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đồng ý ly hôn với lý do muốn con chung có đầy đủ cha mẹ để chăm lo cho tương lai của con. Hội đồng xét xử xét thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân khi tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng cũng không bảo đảm cho việc xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc và ổn định cho con chung.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh K và ông Lê Hoàng T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Bà K và ông T Có 01 con chung tên Lê Hoàng M, sinh ngày 29/10/2012. Xét thấy trẻ Lê Hoàng M hiện tại đang sống cùng với bà K và bản tự khai của trẻ M là muốn sống chung với bà K, ông T không cung cấp ý kiến về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định tâm lý cho trẻ, tránh việc thay đổi cuộc sống sinh hoạt, nên cần thiết giao trẻ Lê Hoàng M, sinh ngày 29/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Minh K nuôi dưỡng là phù hợp. Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn:

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của bị đơn để xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy như đã phân tích tại mục [2.1], do đó ý kiến của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh K.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh K được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyền 01/2011 cấp ngày 02/12/2011, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là trẻ Lê Hoàng M, sinh ngày 29/10/2012. Ông Lê Hoàng T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hoàng T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045205 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Minh K đã nộp đủ tiền án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Xuân Hà